

Số: 87/TB-CCTHADS

TP. Thanh Hóa, ngày 20 tháng 01 năm 2025.

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐST - KDTM ngày 31 tháng 03 năm 2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 105/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án số 1236/TB-CCTHADS ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 04/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 008/2024/3095-TH ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi nhánh Thanh Hóa - Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Tây Nam Bộ - SIAC.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

**1. Người có tài sản:** Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ: Đường Bùi Khắc Nhất, phố Quang Trung, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**

**2.1, Quyền sử dụng đất.**

- Tọa địa thửa đất số 24, tờ bản đồ số 23.

- Địa chỉ thửa đất: SN 171 đường Thành Thái, phường Đông Thọ, thành

phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Diện tích: 455,7m<sup>2</sup> (Bốn trăm năm mươi lăm phẩy bảy mét vuông).

- Hình thức sử dụng: ( Sử dụng riêng: 455,7m<sup>2</sup>; sử dụng chung: Không m<sup>2</sup>).

- Mục đích sử dụng đất: (Đất ở: 357,7m<sup>2</sup>; Đất vườn: 97,9m<sup>2</sup>).

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.\* Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

\* Ranh giới thửa đất:

- Phía Bắc giáp đường Thành Thái;

- Phía Nam giáp đất công;

- Phía Tây giáp ngõ đi chung;

- Phía Đông giáp đất dân cư.

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 099214, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02332 ĐT QSDD/2289 QĐ-CT do Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa cấp ngày 28/7/2005 mang tên ông Cao Sơn Hòa và bà Nguyễn Thị Hương Giang - Quyền sử dụng đất đã được ông Cao Sơn Hòa và bà Nguyễn Thị Hương Giang góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Phúc Thành theo Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất ngày 29/5/2007 đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Thanh Hóa xác nhận ngày 07/6/2007).

## **2.2. Tài sản gắn liền với đất (Khách sạn Hạc Trắng).**

\* Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 065224, số vào sổ cấp GCN: CT 00482 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày ngày 28/12/2011 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Phúc Thành, thì Công trình xây dựng được Cơ quan Nhà nước công nhận là (Hạng mục công trình: Văn phòng làm việc và nhà nghỉ; diện tích xây dựng: 319m<sup>2</sup>; diện tích sàn: 1.790m<sup>2</sup>; Kết cấu: Móng đá học, cột trụ, dầm giằng, tường xây gạch chỉ dày 22cm; công trình cấp 2; số tầng 6 tầng; Năm xây dựng 2006; Thời hạn sở hữu đến ngày 29/7/2055).

### **Thực tế hiện trạng tài sản gắn liền trên đất như sau:**

- Công trình khách sạn 09 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng.

(1). Tầng hầm: Gồm 01 khu để xe, 1 phòng khách, 1 phòng chức năng + 02 vệ sinh.

(2). Tầng 01: Gồm 01 sảnh lễ tân, 01 khu bếp, 1 phòng vệ sinh riêng.

- (3). Tầng 02: Gồm 01 phòng vệ sinh, 01 kho, 08 phòng nghỉ;
- (4). Tầng 03: Gồm 01 phòng vệ sinh, 01 kho, 08 phòng nghỉ;
- (5). Tầng 04: Gồm 01 phòng vệ sinh, 01 kho, 08 phòng nghỉ;
- (6). Tầng 05: Gồm 01 phòng vệ sinh, 01 kho, 08 phòng nghỉ.
- (7). Tầng 06: Gồm 02 phòng vệ sinh, 01 phòng hội trường lớn.
- (8). Tầng 07: Gồm 02 phòng vệ sinh, 01 phòng hội trường bé.
- (9). Tầng 08: Gồm 02 phòng vệ sinh, 01 khu giặt là, 1 phòng khách.
- + Sàn tầng hầm (là tầng 1):  $326,9m^2$ ;
- + Sàn tầng 1 + tầng 2 + tầng 3 + tầng 4 + tầng 5 (là tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng 6):  $1.660,0m^2$ ;
- + Sàn tầng 6 (là tầng 7):  $316,6m^2$ ;
- + Sàn tầng lửng (là tầng 8):  $135,1m^2$ .
- + Sàn tầng 7 (là tầng 9):  $135,1m^2$ .
- \* (Diện tích xây dựng:  $326,90m^2$ ; Tổng diện tích sàn:  $2.573,7m^2$ )
- + Diện tích bán bình trước nhà (Khung dầm thép, mái tôn):  $9,25m \times 14,5m = 134,13 m^2$ .
- + Biểu tượng bê tông cốt thép trên mái rộng  $6,5m$ , dài  $7m$ , cao  $3,5m = 45,5m^2$ .
- Tầng hầm (là tầng 1): cao trần  $2,8m$ ; Từ tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5 (là tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng 6) cao trần  $3,1m$ ; Tầng 6 (là tầng 7): cao trần  $3,1m$ ; sàn tầng lửng (là tầng 8) cao trần  $3,1m$ ; tầng 8 (là tầng 9) cao trần  $3,1m$ .
- + Kết cấu:
- Phần móng: Móng cọc, đài, dầm, giằng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, đồ giằng móng là lớp tường móng xây bằng gạch đặc, hệ thống bể nước, bể phốt xây ngầm.
- Phần thân và mái: Hệ khung cột, dầm, sàn và bản thang bộ bê tông cốt thép đổ tại chỗ, tường bao che và ngăn phòng xây gạch chỉ dày  $0,22m$  kết hợp hợp tường xây dày  $0,11m$ .
- Hoàn thiện: Toàn bộ tường, cột, dầm và trần được trát phẳng bằng vữa xi măng cát, bả matit quét sơn màu trắng trần thạch cao kết hợp trần gỗ và ốp gỗ bề mặt tường một số phòng. Bọc cột tầng hầm + tầng 1 bằng gỗ công nghiệp + Alôminum. Nền tầng hầm lát đá Granit kích thước  $0,6 \times 0,6m$ , nền từ tầng 1 đến tầng 8 lát gạch Granit kích thước  $0,8 \times 0,8m + 0,5 \times 0,5m$ ; kết hợp một số phòng lát gỗ công nghiệp. Nền phòng vệ sinh lát gạch Ceramic trơn trượt kích thước

0,3x0,3m, tường trong phòng vệ sinh ốp gạch Ceramic kích thước 0,3x0,45m;

Tầng 1 (sảnh lễ tân) lắp hệ thống điều hòa âm trần (đủ dàn nóng + lạnh); 01 quầy bar bằng gỗ công nghiệp hình tròn, đường kính 4,2m, hai tầng, cao kệ dưới 1,1m. Trụ gỗ ở giữa đường kính 0,8m, cao 2,2m, xung quanh quầy cố định bằng thanh Inox; 01 (một) quầy lễ tân bằng gỗ công nghiệp cao 1,1m, dài 5,6m; có 01 đèn chùm lớn và 07 đèn chùm nhỏ.

+ Phần cầu thang: Gồm 01 cầu thang bộ có bậc xây bằng gạch chỉ, lát đá, trụ tay vịn và lan can cầu thang bằng Inox và 01 cầu thang máy tải trọng 630 kg, 09 điểm dừng (Gồm 1 máy biến áp 30KVA, 01 máy điều khiển thang máy, 01 tời thang máy). Lan can Inox trên mái cao 1m, dài 60m; cầu thang Inox trên mái từ tầng 8 đến tum dài 7,5m.

+ Phần cửa: Cửa đi chính cửa cuốn mô tơ điện kết hợp cửa kính cường lực, cửa đi thông phòng và cửa nhà vệ sinh panô gỗ, cửa sổ khung nhôm định hình panô kính.

+ Phần điện, nước và phòng cháy chữa cháy: Hệ thống đường dây điện, đường ống cấp thoát nước, đường ống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt ngầm tường, thiết bị điện thiết bị vệ sinh và thiết bị PCCC lắp đặt hoàn thiện (Trên mái: 2 tec Inox Toàn Mỹ mỗi bình 7000l;

+ Hiện trạng: Khách sạn từ lâu không hoạt động nên đã xuống cấp.

Phần móng: Kết cấu móng nguyên trạng.

Phần nền: Kết cấu nền nguyên trạng. Nhiều vị trí gạch bị trầy xước, xuống cấp lớp men gạch.

Phần thân: Kết cấu thân nguyên trạng. Nhiều vị trí tường bị ố mốc, bong tróc lớp sơn, một số vị trí tường ốp gỗ, sàn gỗ đã mục và bong hư hỏng kết cấu.

Phần mái: Kết cấu mái nguyên trạng. Nhiều vị trí trần bị ố mốc, bong tróc lớp sơn, một số vị trí trần ốp gỗ đã mục và bong hư hỏng kết cấu.

Phần khác: Hệ thống máy bơm cấp nước cho tòa nhà không có, nền một số phòng lát gỗ công nghiệp bong tróc, ố mốc, xuống cấp hư hỏng, trần thạch cao các phòng ố mốc, Các phần khác đã xuống cấp và hư hỏng nghiêm trọng. Các hệ thống điện nước đã lâu không còn hoạt động.

(Hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Trích đo hiện trạng khu đất số 55/TĐHT ngày 14/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thanh Hóa kèm theo).

\* Khách sạn Hạc Trắng xây dựng (09 tầng) nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được nhà nước công nhận là: 18,4m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất

(18,4m<sup>2</sup>) đã xây dựng Khách sạn (09 tầng) nằm ngoài GCN QSDĐ đã cấp và nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của dự án Khu đô thị mới ven Sông Hạc, thành phố Thanh Hóa, đây là phần đất công do UBND phường Đông Thọ quản lý, có thời điểm sử dụng từ năm 2005 đến nay, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất (đất ở) và quy hoạch xây dựng đô thị (đất ở).

**3. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 32.130.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, một trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:**

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp như sau:

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản nêu trên;

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố quyết định.

(Cụ thể các tiêu chí theo Phụ lục bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông báo này).

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:**

- **Thời hạn nộp hồ sơ:** Từ ngày 20/01/2025 đến hết ngày 24/01/2025 (Trong giờ hành chính).

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa - Địa chỉ: Đường Bùi Khắc Nhất, phố Quang Trung, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**Hồ sơ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Văn bản đề nghị tham gia cung cấp dịch vụ bán đấu giá tài sản; Hồ sơ năng lực của tổ chức hành nghề đấu giá và các tài liệu chứng minh liên quan (theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15)

*Lưu ý:* Cơ quan Thi hành án dân sự không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được lựa chọn.

Tổ chức hành nghề đấu giá tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trường hợp có kết quả xác minh khẳng định tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa







**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**  
**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(kèm theo Thông báo số 87/TB-CCTHADS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
<b>3.</b>	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>
<b>4.</b>	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>	<b>1,0</b>
<b>5.</b>	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>
<b>1.</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0

1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>	4,0
3.	<b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>	4,0
IV	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	57,0
1.	<b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0



	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	
4.	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin</b>	4,0

	<b>về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh,	3,0

thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	
<b>Tổng số điểm</b>	<b>100</b>



